3414

Lu rung trống trơn

Lu rung dòng 3000 / Seri H180

CÁC ĐIỂM NỔI BẬT CỦA SERI 3000

- Vận hành linh hoạt nhờ kết cấu 3 điểm khớp xoay linh hoạt
- Bảng điều khiển với thông tin hiển thị đơn giản và trực quan
- Thiết kế khoang vận hành tiện lợi, ghế lái có thể xoay và điều chỉnh được, cụm vô lăng có thể nghiêng được
- Tầm quan sát vượt trội cho khu vực quanh thiết bị từ buồng lái
- Hiệu quả đầm nén cao nhờ vào tải trọng thiết bị và biên độ rung lớn

Kích thước máy		
Chiều dài tổng thể (L)	mm	5705
Bề rộng máy (B)	mm	2250
Chiều cao tổng thể (H)	mm	2990
Bề rộng trống (X)	mm	2140
Chiều cao vận chuyển (HI)	mm	2325

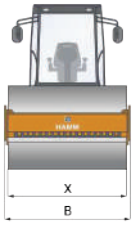

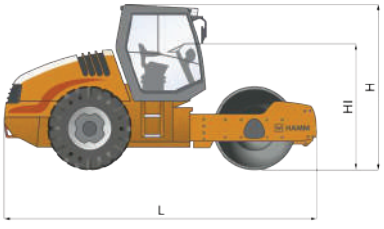

TIER 3

EU Stage IIIA / EPA Tier 3

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	Đơn vị	3414
Trọng lượng		
Trọng lượng vận hành với cabin	kg	14240
Trọng lượng vận hành với ROPS	kg	14020
Trọng lượng vận hành, tối đa	kg	17060
Tải trên trục, trước/sau	kg	8215/6025
Tải tĩnh phân bố trên trống, trước	kg/cm	38,4
Phân loại theo tiêu chuẩn Pháp		53,07/VM3
Kích thước máy		
Chiều dài tổng thể	mm	5705
Chiều cao tổng thể với cabin	mm	2990
Chiều cao vận chuyển, nhỏ nhất	mm	2325
Khoảng cách 2 cầu	mm	3015
Bề rộng tổng thể với cabin	mm	2250
Khoảng sáng gầm, tâm xe	mm	375
Bán kính xoay vòng, bên trong	mm	3690
Góc lái, trước/sau	°	31/34
Kích thước trống lu		
Bề rộng trống lu, trước	mm	2140
Đường kính trống lu, trước	mm	1504
Bề dày trống lu, trước	mm	30
Loại trống lu, trước		Trống trơn
Kích thước lốp		
Cỡ lốp, sau		AW 23.1-26 12 PR
Động cơ Diesel		
Nhà sản xuất		DEUTZ
Loại		TCD 2012 L04 2V
Số xy lanh		4
Công suất định mức ISO 14396, kW/PS/rpm		100,0/136,0/2300
Công suất định mức SAE J1349, kW/HP/rpm		100,0/134,0/2300
Tiêu chuẩn khí thải		EU Stage IIIA / EPA Tier 3
Hệ thống dẫn động		
Vận tốc làm việc	km/h	0-4,7/0-5,4/0-6,0
Tốc độ di chuyển	km/h	0-11,7
Khả năng leo dốc, rung on/off	%	48/53
Hệ thống rung		
Tần số rung, trước, I/II	Hz	30/40
Biên độ rung, trước, I/II	mm	1,95/0,90
Lực li tâm, trước, I/II	kN	256/215
Hệ thống lái		
Góc chênh +/-	°	10
Kiểu lái		Kiểu khớp xoay
Dung tích thùng nhiên liệu		
Thùng nhiên liệu	L	290
Độ ồn		
Độ ồn LW(A), lý thuyết		106
Độ ồn LW(A), thực tế		102

TRANG BỊ TIÊU CHUẨN

2 tay vịn, 3 điểm khớp xoay, Be gạt đất cân chỉnh được, Bảng điều khiển với màn hình hiển thị, đèn báo và các công tắc, Hệ thống kiểm soát chống trượt và di chuyển tự động, Công tắc cắt mass, Bảng điều khiển với cột vô lăng cân chỉnh được, Khoang vận hành với lối vào hai bên, Chức năng cài đặt tốc độ làm việc từ đầu, Trợ lái thủy lực, Khoang điều khiển được bố trí chống rung lắc, Thủy lực dẫn động tất cả các bánh vô cấp, Tay vịn trên khoang điều khiển, Lam gạt, Mái che cứng, Phiên bản lọc thô nhiên liệu bổ sung thêm, Đồng hồ Công tơ mét, Cảm biến tốc độ động cơ, Màn hình hiển thị tần số rung, Còi báo đi lùi, Đèn làm việc, Trang bị bảo vệ đường ống thủy lực phần khung trước

TRANG BỊ TÙY CHỌN

Cabin chống lật ROPS, Hệ thống sấy, Radio, Áo chân cừu, Đồng hồ đo độ chặt (HCM), Màn hình hiển thị tần số rung, Hệ thống rung tự động, Đèn tín hiệu xoay, Chụp bảo vệ đèn

VITRAC

www.facebook.com/vitrac.vn

www.vitrac.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY VĨNH PHÚ

TRỤ SỞ CHÍNH
990 Xa Lộ Hà Nội, Khu Phố 2, Phường Bình Đa, Thành Phố Biên Hòa, Đồng Nai
T: (0251) 383 1615 | E: vinhphu@vitrac.vn | MST: 3600437439

TRUNG TÂM 3S ĐÀ NẴNG
150B, Quốc Lộ 14B, Thạch Nham Đông, Xã Hòa Nhơn, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng
T: (023) 6364 47 94 | E: vinhphudanang@vitrac.vn

TRUNG TÂM 3S HÀ NỘI
Lô 1, Khu Công Nghiệp Quang Minh, Thị Trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Hà Nội
T: (024) 3556 22 77 | E: vinhphuhanoi@vitrac.vn

HAMM AG
Hammstraße 1
D-95643 Tirschenreuth
Tel +49 9631 80-0
Fax +49 9631 80-111
www.hamm.eu

HAMM

Lu rung / Seri 3000 EU Stage IIIA / EPA Tier 3/ 3414 05.19 2233194 en-GB V9
Các thông số thiết bị có thể thay đổi mà không báo trước
Các hình ảnh minh họa trên có thể đã bao gồm một số trang bị tùy chọn
Biên soạn viên: Nguyễn Thị Phương Uyên. Thời gian phát hành: 08/2019